

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PCCC HDM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PCCC HDM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PCCC HDM EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PCCC HDM EQUIPMENT., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110879496

**3. Ngày thành lập:** 01/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 09, Tòa nhà 3D, Số 03, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0971089992

Fax:

Email: [pccchdm@gmail.com](mailto:pccchdm@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy | 3290     |
| 2.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                        | 4299     |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                             | 4321     |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                             | 4322     |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                    | 4329     |
| 6.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                    | 4330     |
| 7.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy               | 4390     |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa ( trừ Hoạt động của các đấu giá viên)         | 4610     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>( trừ thuốc)                                                                | 4649     |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                               | 4651     |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                | 4652     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659        |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4663        |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4669(Chính) |
| 15. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4741        |
| 16. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4752        |
| 17. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                | 4759        |
| 18. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy<br>-Khảo sát xây dựng<br>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng<br>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng                                                                                                                                        | 7110        |
| 19. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7120        |
| 20. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ<br>Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                                                  | 7490        |
| 21. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7710        |
| 22. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9512        |
| 23. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9521        |
| 24. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9522        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

Thời gian đăng từ ngày 02/11/2024 đến ngày 02/12/2024

| STT | Tên cổ đông            | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức    | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>KHÁNH LY | Thôn Bình Lãng,<br>Xã Tiên Phong,<br>Huyện Ân Thi,<br>Tỉnh Hưng Yên,<br>Việt Nam      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 35.000        | 350.000.000              | 35,000       | 0331960099<br>97                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                       | Tổng số                            | 35.000        | 350.000.000              | 35,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | HOÀNG ĐỨC<br>MẠNH      | Thôn Bình Minh,<br>Xã Đông Phương,<br>Huyện Đông<br>Hưng, Tỉnh Thái<br>Bình, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 35.000        | 350.000.000              | 35,000       | 0340920049<br>39                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                       | Tổng số                            | 35.000        | 350.000.000              | 35,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                       |                                    |        |             |        |                  |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | HOÀNG THỊ<br>LY | Thôn Bình Minh,<br>Xã Đông Phương,<br>Huyện Đông<br>Hưng, Tỉnh Thái<br>Bình, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 | 0343000047<br>20 |
|   |                 |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                       | Tổng số                            | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 |                  |
|   |                 |                                                                                       |                                    |        |             |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: **HOÀNG ĐỨC MANH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 24/12/1992

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034092004939

Ngày cấp: 19/12/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Bình Minh, Xã Đông Phương, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Bình Minh, Xã Đông Phương, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội